

BỘ CÔNG THƯƠNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SAO ĐỎ

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
VIẾT 2

Số tín chỉ: 02

Trình độ đào tạo: Đại học

Ngành đào tạo: Ngôn ngữ Trung Quốc

Năm 2020

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

Trình độ đào tạo: Đại học

Ngành đào tạo: Ngôn ngữ Trung Quốc

- 1. Tên học phần:** Viết 2
- 2. Mã học phần:** NNTQ 038
- 3. Số tín chỉ:** 2 (2,0)
- 4. Trình độ cho sinh viên:** Năm thứ nhất (Kỳ 2)
- 5. Phân bổ thời gian**
 - Lên lớp: 30 tiết lý thuyết, 0 tiết thực hành
 - Tự học: 60 giờ
- 6. Điều kiện tiên quyết:** Học xong học phần Viết 1
- 7. Giảng viên**

STT	Học hàm, học vị, họ tên	Số điện thoại	Email
1.	ThS. Vũ Trọng Tuấn	0988.735.498	vttuan@saodo.edu.vn
2.	ThS. Nguyễn Thị Lan	0914.772.563	ntlans@saodo.edu.vn
3.	ThS. Trần Thị Lan Hương	0977.612.288	ttlhuong@saodo.edu.vn
4.	ThS. Nguyễn Thị Xuyên	0988.964.751	ntxuyen@saodo.edu.vn

8. Mô tả nội dung của học phần

Học phần Viết 2 cung cấp từ mới, hướng dẫn cách viết, cách dùng của từ mới và bài tập luyện viết về các chủ đề quen thuộc trong cuộc sống hằng ngày như: Thời tiết, phong cảnh, sở thích... Hướng dẫn sinh viên cách viết câu đơn, câu phức, cách dùng dấu câu và các bài tập luyện viết câu, đoạn văn cho sinh viên.

9. Mục tiêu và chuẩn đầu ra học phần

9.1. Mục tiêu

Mục tiêu học phần thỏa mãn mục tiêu của chương trình đào tạo:

Mục tiêu	Mô tả	Mức độ theo thang đo Bloom	Phân bổ mục tiêu học phần trong CTĐT
MT1	Kiến thức		
MT1.1	- Đọc, viết và sử dụng đúng các từ vựng, cấu trúc tiếng Trung trình độ cơ bản: Cách sử dụng “了, 着, 过”, câu chữ “把”, câu chữ “被”, câu đơn, các loại câu phức...	3	[1.2.1.2.a]

Mục tiêu	Mô tả	Mức độ theo thang đo Bloom	Phân bổ mục tiêu học phần trong CTĐT
MT1	Kiến thức		
	- Sử dụng được các từ vựng, cấu trúc trên diễn tả các chủ điểm: Kì nghỉ, thời tiết, vị trí...		
MT2	Kỹ năng		
	- Đặt câu, trả lời câu hỏi với từ vựng và cấu trúc trong giáo trình. - Viết được đoạn văn 150- 200 từ về các chủ điểm trong giáo trình.	4	[1.2.2.1] [1.2.2.3]
MT3	Mức tự chủ và trách nhiệm		
MT3	Sử dụng đúng các kiến thức đã học trong các tình huống giao tiếp thực tế trong đời sống xã hội và trong công việc tương lai.	4	[1.2.3]

9.2. Chuẩn đầu ra

Sự phù hợp của chuẩn đầu ra học phần với chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo:

CDR học phần	Mô tả	Thang đo Bloom	Phân bổ CDR học phần trong CTĐT
CDR1	Kiến thức		
CDR1.1	Nắm được cách viết chữ Hán theo chủ điểm bài học.	3	[2.1.4] [2.1.5]
CDR1.2	Trình bày được từ vựng theo chủ đề trong bài học.		
CDR1.3	Nắm được cách dùng của từ mới trong mỗi bài học.		
CDR1.4	Đưa ra và vận dụng được ngữ pháp trong mỗi bài học như: Trợ từ động thái, câu bị động...		
CDR1.5	Nắm được khái niệm câu đơn, câu phức và phân loại câu phức.		
CDR1.6	Đặt câu với các mẫu câu phức thông dụng.		
CDR2	Kỹ năng		
CDR2.1	Viết được các chữ Hán trong các bài học.	4	[2.2.1]
CDR2.2	Đặt câu được với các từ mới trong bài học.		
CDR2.3	Hoàn thành hội thoại.		
CDR2.4	Trả lời câu hỏi.		
CDR2.5	Vận dụng được các cấu trúc đã học như: Sử dụng “了”,		

CDR học phần	Mô tả	Thang đo Bloom	Phân bổ CDR học phần trong CTĐT
	着, 过”, câu chữ “把”, câu chữ “被”, câu đơn, các loại câu phức... để thực hành viết và học làm cơ sở cho các học phần Viết 3, Viết 4.		
CĐR2.6	Viết được đoạn văn từ 150 đến 200 chữ về chủ đề trong bài học.		
CĐR3	Mức tự chủ và trách nhiệm		
CĐR3.1	Có năng lực làm việc độc lập, làm việc theo nhóm.	4	[2.3.1] [2.3.2]
CĐR3.2	Tuân thủ đúng văn phong viết của người Trung Quốc.		
CĐR3.3	Có kỹ năng tự đọc và nghiên cứu các phần tự học trong tài liệu mà giảng viên yêu cầu.		
CĐR3.4	Có thái độ học tập và làm việc tích cực với nhiệm vụ được phân công.		

10. Ma trận liên kết nội dung với chuẩn đầu ra học phần

TT	Nội dung học phần	Chuẩn đầu ra của học phần															
		CDR1						CDR2						CDR3			
		CDR 1.1	CDR 1.2	CDR 1.3	CDR 1.4	CDR 1.5	CDR 1.6	CDR 2.1	CDR 2.2	CDR 2.3	CDR 2.4	CDR 2.5	CDR 2.6	CDR 3.1	CDR 3.2	CDR 3.3	CDR 3.4
1	第一课. 北京比上海大吧? 一、生词 三、语法 四、练习	x	x	x	x			x	x	x	x	x	x	x	x	x	x
2	第二课. 我的阅读跟你考得一样 一、生词 三、语法 四、练习	x	x	x	x			x	x	x	x	x	x	x	x	x	x
3	第三课. 我开完会回来了 一、生词 三、语法 四、练习	x	x	x	x			x	x	x	x	x	x	x	x	x	x
4	第四课. 你的汉语是在哪儿学的 一、生词 三、语法 四、练习	x	x	x	x			x	x	x	x	x	x	x	x	x	x
5	第五课. 我们的照片洗好了 一、生词 三、语法 四、练习	x	x	x	x			x	x	x	x	x	x	x	x	x	x
6	第六课. 墙上贴着红双喜字 一、生词 三、语法 四、练习	x	x	x	x			x	x	x	x	x	x	x	x	x	x
7	第七课. 单句 一、生词 三、语法 四、练习	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x
8	第八课. 复句 一、生词 三、语法 四、练习	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x

11. Đánh giá học phần

11.1. Kiểm tra và đánh giá trình độ

Chuẩn đầu ra	Mức độ thành thạo được đánh giá bởi
CĐR1	Bài tập thực hành, bài kiểm tra thường xuyên, bài kiểm tra giữa học phần.
CĐR2	Bài tập thực hành, bài kiểm tra giữa học phần và bài thi kết thúc học phần.
CĐR3	Bài tập thực hành viết trong các giờ học, bài kiểm tra giữa học phần và bài thi kết thúc học phần.

11.2. Cách tính điểm học phần: Tính theo thang điểm 10 sau đó chuyển thành thang điểm chữ và thang điểm 4

STT	Điểm thành phần	Quy định	Trọng số	Ghi chú
1	Điểm kiểm tra thường xuyên; điểm đánh giá nhận thức và thái độ tham gia thảo luận; điểm đánh giá phần bài tập; điểm chuyên cần.	01 điểm	20%	Điểm trung bình các lần đánh giá
2	Kiểm tra giữa học phần	01 điểm	30%	
3	Thi kết thúc học phần	01 điểm	50%	

11.3. Phương pháp đánh giá

Học phần sử dụng phương pháp đánh giá điểm thành phần như sau:

- Kiểm tra thường xuyên; đánh giá nhận thức và thái độ tham gia thảo luận; đánh giá phần bài tập; chuyên cần. Hình thức: Tự luận.
- Kiểm tra giữa học phần: Tự luận (01 bài kiểm tra, thời gian làm bài: 90 phút).
- Thi kết thúc học phần: Tự luận (01 bài thi, thời gian làm bài: 90 phút).

12. Yêu cầu học phần

Sinh viên thực hiện những yêu cầu sau:

- Tham gia tối thiểu 80% số tiết học trên lớp dưới sự hướng dẫn của giảng viên.
- Đọc và nghiên cứu tài liệu phục vụ học phần, hoàn thành các bài tập cá nhân và bài tập nhóm.
- Chủ động ôn tập theo đề cương ôn tập được giảng viên cung cấp.
- Tham gia kiểm tra giữa học phần, thi kết thúc học phần.

13. Tài liệu phục vụ học phần

- Tài liệu bắt buộc:

[1]- Trường Đại học Sao Đỏ (2020), *Tài liệu học tập Viết 2*.

- Tài liệu tham khảo:

[2] - Trần Thị Thanh Liêm biên dịch (2012), *Giáo trình Hán ngữ 3*, Đại học Quốc gia Hà Nội.

[3] – 何立荣 (2003) , 留学生汉语写作教程, 北京大学出版社

14. Nội dung chi tiết học phần và phương pháp dạy - học

TT	Nội dung giảng dạy	Số tiết	Phương pháp dạy-học	CDR học phần
1	<p>第一课. 北京比上海大吧?</p> <p>Mục tiêu bài:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Viết và đặt câu được với từ vựng trong bài. - Nắm được cấu trúc về câu so sánh hơn với “比, 没有”, so sánh nhất với “最”. - Vận dụng được cấu trúc so sánh vào bài tập và viết văn. <p>Nội dung cụ thể:</p> <ul style="list-style-type: none"> 一、 生词 二、 语法 比较句 (最, 比, 没有) 三、 练习 	03 (3LT, 0TH)	<p>Thuyết trình; Phương pháp động não; Tổ chức dạy học theo nhóm.</p> <p>- Giảng viên:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Trình bày cách viết, cách dùng của từ vựng viết trong bài học. + Yêu cầu sinh viên đặt câu với từ vựng trong bài. + Nêu vấn đề, hướng dẫn sinh viên giải quyết vấn đề. + Giao bài tập cho cá nhân, các nhóm. + Nhận xét, đánh giá sinh viên theo nhóm. <p>- Sinh viên:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Đọc trước tài liệu: [1]: Trang 1 - 4 [2]: Trang 1 - 21 + Đặt câu, trả lời câu hỏi của giảng viên. + Lắng nghe, quan sát, ghi chép và giải quyết vấn đề. + Làm bài tập cá nhân, theo nhóm trong [1]: Bài tập 1,2,3 trang 2 – 4. 	CĐR1.1, CĐR1.2, CĐR1.3, CĐR1.4, CĐR2.1, CĐR2.2, CĐR2.3, CĐR2.4, CĐR2.5, CĐR2.6, CĐR3.1, CĐR3.2, CĐR3.3, CĐR3.4.
2	<p>第二课. 我阅读跟你考得一样</p> <p>Mục tiêu bài:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Viết và đặt câu được với từ vựng trong bài. - Nắm được cấu trúc về câu so sánh 跟.....一样, 快要.....了. - Vận dụng được cấu trúc so 	03 (3LT, 0TH)	<p>Thuyết trình; Phương pháp động não; Tổ chức dạy học theo nhóm.</p> <p>- Giảng viên:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Trình bày cách viết, cách dùng của từ vựng viết trong bài học. + Yêu cầu sinh viên đặt câu với 	CĐR1.1, CĐR1.2, CĐR1.3, CĐR1.4, CĐR2.1, CĐR2.2, CĐR2.3, CĐR2.4,

TT	Nội dung giảng dạy	Số tiết	Phương pháp dạy-học	CDR học phần
	<p>sánh vào bài tập và viết văn.</p> <p>Nội dung cụ thể:</p> <p>一、 生词</p> <p>二、 语法</p> <p>(1) 比较句 (跟.....一样)</p> <p>(2) 快要.....了</p> <p>三、 练习</p>		<p>từ vựng trong bài.</p> <p>+ Nêu vấn đề, hướng dẫn sinh viên giải quyết vấn đề.</p> <p>+ Giao bài tập cho cá nhân, các nhóm.</p> <p>+ Nhận xét, đánh giá sinh viên theo nhóm.</p> <p>- Sinh viên:</p> <p>+ Đọc trước tài liệu:</p> <p>[1]: Trang 5 - 9.</p> <p>[2]: Trang 22 - 37.</p> <p>+ Đặt câu, trả lời câu hỏi của giảng viên.</p> <p>+ Lắng nghe, quan sát, ghi chép và giải quyết vấn đề.</p> <p>+ Làm bài tập cá nhân, theo nhóm trong [1]: Bài tập 1,2,3 trang 6 - 8.</p>	<p>CĐR2.5,</p> <p>CĐR2.6,</p> <p>CĐR3.1,</p> <p>CĐR3.2,</p> <p>CĐR3.3,</p> <p>CĐR3.4.</p>
3	<p>第三课. 我开完会回来了</p> <p>Mục tiêu bài:</p> <p>- Viết và đặt câu được với từ vựng trong bài.</p> <p>- Nắm được cấu trúc về bổ ngữ xu hướng đơn “来”, “去” và trợ từ động thái “过”.</p> <p>- Vận dụng được cấu trúc về bổ ngữ xu hướng đơn “来”, “去” và trợ từ động thái “过” vào bài tập và viết văn.</p> <p>Nội dung cụ thể:</p> <p>一、 生词</p> <p>二、 语法</p>	03 (3LT, 0TH)	<p>Thuyết trình; Phương pháp giải quyết vấn đề; Tổ chức dạy học theo nhóm.</p> <p>- Giảng viên:</p> <p>+ Trình bày cách viết, cách dùng của từ vựng viết trong bài học.</p> <p>+ Yêu cầu sinh viên đặt câu với từ vựng trong bài.</p> <p>+ Nêu vấn đề, hướng dẫn sinh viên giải quyết vấn đề.</p> <p>+ Giao bài tập cho cá nhân, các nhóm.</p> <p>+ Nhận xét, đánh giá sinh viên theo nhóm.</p> <p>- Sinh viên:</p> <p>+ Đọc trước tài liệu:</p>	<p>CĐR1.1,</p> <p>CĐR1.2,</p> <p>CĐR1.3,</p> <p>CĐR1.4,</p> <p>CĐR2.1,</p> <p>CĐR2.2,</p> <p>CĐR2.3,</p> <p>CĐR2.4,</p> <p>CĐR2.5,</p> <p>CĐR2.6,</p> <p>CĐR3.1,</p> <p>CĐR3.2,</p> <p>CĐR3.3,</p> <p>CĐR3.4.</p>

TT	Nội dung giảng dạy	Số tiết	Phương pháp dạy-học	CDR học phần
	(1) 趋向补语 (2) 动态助词 “过” 三、练习		[1]: Trang 10 - 15. [2]: Trang 54 - 69. + Đặt câu, trả lời câu hỏi của giảng viên. + Lắng nghe, quan sát, ghi chép và giải quyết vấn đề. + Làm bài tập cá nhân, theo nhóm trong [1]: Bài tập 1,2,3, 4, 5 trang 11 - 13.	
4	第四课. 你的汉语是在哪儿学的? Mục tiêu bài: - Viết và đặt câu được với từ vựng trong bài. - Nắm được cấu trúc về bổ ngữ kết quả và một số bổ ngữ kết quả thông dụng như: 见, 到, 懂, 对, 成... - Vận dụng được cấu trúc về bổ ngữ kết quả và một số bổ ngữ kết quả thông dụng vào bài tập và viết văn. Nội dung cụ thể: 一、生词 二、语法 结果补语 三、练习	03 (3LT, 0TH)	Thuyết trình; Phương pháp giải quyết vấn đề; Tổ chức dạy học theo nhóm. - Giảng viên: + Trình bày cách viết, cách dùng của từ vựng viết trong bài học. + Yêu cầu sinh viên đặt câu với từ vựng trong bài. + Nêu vấn đề, hướng dẫn sinh viên giải quyết vấn đề. + Giao bài tập cho các nhóm. + Nhận xét, đánh giá sinh viên theo nhóm. - Sinh viên: + Đọc trước tài liệu: [1]: Trang 16 - 20. [2]: Trang 88 - 104. + Đặt câu, trả lời câu hỏi của giảng viên. + Lắng nghe, quan sát, ghi chép và giải quyết vấn đề. + Làm bài tập cá nhân, theo nhóm trong [1]: Bài tập 1,2,3, trang 17 - 18.	CĐR1.1, CĐR1.2, CĐR1.3, CĐR1.4, CĐR2.1, CĐR2.2, CĐR2.3, CĐR2.4, CĐR2.5, CĐR2.6, CĐR3.1, CĐR3.2, CĐR3.3, CĐR3.4.
5	第五课. 我们的照片洗好了	05	Thuyết trình; Phương pháp	CĐR1.1,

TT	Nội dung giảng dạy	Số tiết	Phương pháp dạy-học	CDR học phần
	<p>Mục tiêu bài:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Viết và đặt câu được với từ vựng trong bài. - Nắm được cấu trúc của câu chữ 把. - Vận dụng được cấu trúc câu chữ 把 vào bài tập và viết văn. <p>Nội dung cụ thể:</p> <ul style="list-style-type: none"> 一、 生词 二、 语法 “把” 字句 三、 练习 <ul style="list-style-type: none"> - Kiểm tra giữa học phần 	(3LT, 0TH, 2KT)	<p>giải quyết vấn đề; Tổ chức dạy học theo nhóm.</p> <p>- Giảng viên:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Trình bày cách viết, cách dùng của từ vựng viết trong bài học. + Yêu cầu sinh viên đặt câu với từ vựng trong bài. + Nêu vấn đề, hướng dẫn sinh viên giải quyết vấn đề. + Giao bài tập cho cá nhân, các nhóm. + Nhận xét, đánh giá sinh viên theo nhóm. <p>- Sinh viên:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Đọc trước tài liệu: [1]: Trang 21 - 25. [2]: Trang 119 - 132. + Đặt câu, trả lời câu hỏi của giảng viên. + Lắng nghe, quan sát, ghi chép và giải quyết vấn đề. + Làm bài tập cá nhân, theo nhóm trong [1]: Bài tập 1,2,3 trang 23 - 24. - Làm bài kiểm tra giữa kỳ. 	CĐR1.2, CĐR1.3, CĐR1.4, CĐR2.1, CĐR2.2, CĐR2.3, CĐR2.4, CĐR2.5, CĐR2.6, CĐR3.1, CĐR3.2, CĐR3.3, CĐR3.4.
6	<p>第六课. 墙上贴着红双喜字</p> <p>Mục tiêu bài:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Viết và đặt câu được với từ vựng trong bài. - Nắm được cách dùng của trợ từ động thái 着. - Vận dụng được trợ từ động 	03 (3LT, 0TH)	<p>Thuyết trình; Phương pháp giải quyết vấn đề; Tổ chức dạy học theo nhóm.</p> <p>- Giảng viên:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Trình bày cách viết, cách dùng của từ vựng viết trong bài học. + Yêu cầu sinh viên đặt câu với từ vựng trong bài. 	CĐR1.1, CĐR1.2, CĐR1.3, CĐR1.4, CĐR2.1, CĐR2.2, CĐR2.3, CĐR2.4, CĐR2.5,

TT	Nội dung giảng dạy	Số tiết	Phương pháp dạy-học	CDR học phần
	thái 着 vào bài tập và viết văn. Nội dung cụ thể: 一、生词 二、语法 动态助词“着” 三、练习		+ Nêu vấn đề, hướng dẫn sinh viên giải quyết vấn đề. + Giao bài tập cho cá nhân, các nhóm. + Nhận xét, đánh giá sinh viên theo nhóm. - Sinh viên: + Đọc trước tài liệu: [1]: Trang 26 - 30. [2]: Trang 149 - 160. + Đặt câu, trả lời câu hỏi của giảng viên. + Lắng nghe, quan sát, ghi chép và giải quyết vấn đề. + Làm bài tập cá nhân, theo nhóm trong [1]: Bài tập 1,2,3 trang 27 - 28.	CDR2.6, CDR3.1, CDR3.2, CDR3.3, CDR3.4.
7	第七课. 单句 Mục tiêu bài: - Hiểu được định nghĩa, cách dùng, cấu trúc câu đơn. - Hiểu nghĩa và sử dụng được các từ vựng trong bài. - Viết đúng câu về ngữ pháp và ngữ nghĩa. Nội dung cụ thể: 一、导写 二、练习	06 (6LT, 0TH)	Thuyết trình; Dạy học dựa trên vấn đề; Tổ chức dạy học theo nhóm. - Giảng viên: + Trình bày cách viết, cách dùng của từ vựng viết trong bài học. + Nêu vấn đề, hướng dẫn sinh viên giải quyết vấn đề. + Giao bài tập cho cá nhân, các nhóm. + Nhận xét, đánh giá sinh viên theo nhóm. - Sinh viên: + Đọc trước tài liệu: [1]: Trang 31 - 42. [3]: Trang 1 - 3. + Lắng nghe, quan sát, ghi	CDR1.1, CDR1.2, CDR1.3, CDR1.4, CDR1.5, CDR1.6, CDR2.1, CDR2.2, CDR2.3, CDR2.4, CDR2.5, CDR2.6, CDR3.1, CDR3.2, CDR3.3, CDR3.4.

TT	Nội dung giảng dạy	Số tiết	Phương pháp dạy-học	CĐR học phần
			chép và giải quyết vấn đề. + Làm bài tập cá nhân, theo nhóm trong [1]: Bài tập trang 34 – 42.	
8	<p>第八课: 复句</p> <p>Mục tiêu bài:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nắm được định nghĩa, cách dùng, cấu trúc phức, các loại câu phức thông dụng. - Hiểu nghĩa và sử dụng được các từ vựng trong bài. - Vận dụng được các cụm liên từ trong câu phức vào bài tập và viết văn. <p>Nội dung cụ thể:</p> <p>一、 导写</p> <p>(二) 常用关联词语</p> <p>(三) 练习</p>	04 (4LT, 0TH)	<p>Thuyết trình; Dạy học dựa trên vấn đề; Tổ chức dạy học theo nhóm.</p> <p>Giảng viên:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Trình bày cách viết, cách dùng của từ vựng viết trong bài học. + Nêu vấn đề, hướng dẫn sinh viên giải quyết vấn đề. + Giao bài tập cho cá nhân, các nhóm. + Nhận xét, đánh giá sinh viên theo nhóm. <p>Sinh viên:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Đọc trước tài liệu: [1]: Trang 43 - 49. [3]: Trang 15 - 34. + Lắng nghe, quan sát, ghi chép và giải quyết vấn đề. + Làm bài tập cá nhân, theo nhóm trong [1]: Bài tập 1,2,3 trang 46 - 49. 	CĐR1.1, CĐR1.2, CĐR1.3, CĐR1.4, CĐR1.5, CĐR1.6, CĐR2.1, CĐR2.2, CĐR2.3, CĐR2.4, CĐR2.5, CĐR2.6, CĐR3.1, CĐR3.2, CĐR3.3, CĐR3.4.

Hải Dương, ngày 24 tháng 9 năm 2020

KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG



TRƯỜNG ĐẠI HỌC SAO ĐỎ


TS. Nguyễn Thị Kim Nguyên

TRƯỞNG KHOA



Nguyễn Đăng Tiến

PHÓ BỘ MÔN



Nguyễn Thị Hoa